**TUẦN 3**

**NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI**

**TỪ GHÉP**

**QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN**

**LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| VĂN BẢN | **NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI** |  |

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Nắm đựơc nội dung, ý nghĩa và 1 số hình thức nghệ thuật tiêu biểu của ca dao, dân ca qua những bài ca dao quen thuộc, thuộc chủ đề quê hương đất nước, con người.

**2. Kĩ năng:**

- Đọc-hiểu và phân tích ca dao, dân ca trữ tình (bài 1 và 4)

- Phát hiện và phân tích những hình ảnh so sánh, ẩn dụ, những mô típ quen thuộc trong các bài ca dao trữ tình về tỡnh yờu quê hương, đất nước, con người.

**3. Thái độ:**

- Thuộc những bài ca dao trong bài và biết thêm 1 số bài ca dao thuộc chủ đề quê hương, đất nước, con người.

- Có tình yêu quê hương, đất nước, con người.

**4. Định hướng phát triển năng lực hs:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, nêu và giải quyết vấn đề

- Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận về nội dung bài học

- Phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học bài

- Năng lực biết làm và làm thành thạo công việc, năng lực sáng tạo và khẳng định bản thân

**-** Năng lực phân tích ngôn ngữ ,giao tiếp ...

- Năng lực làm bài tâp. ,lắng nghe ,ghi tích cực ...

- Năng lực làm việc độc lập , trình bày ý kiến cá nhân.

- Năng lực giải quyết tình huống, năng lực phát hiện, thể hiện chính kiến, giao tiếp, năng lực biết làm thành thạo công việc được giao, năng lực thích ứng với hoàn cảnh

**II – CHUẨN BỊ**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**:

Sưu tầm tài liệu; Tranh ảnh các vùng miền, phong cảnh đất nước; bảng phụ, đài, đĩa hát những câu ca dao về tỡnh yờu quê hương đất nước.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

+ Sưu tầm những câu bài ca dao về quê hương đất nước con người

+ Soạn bài; tập phân tích các bài ca dao về quê hưong đất nước con người

**III – TIỂN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: **Ổn định tổ chức**

**\* Bước 2:** **Kiểm tra bài cũ**

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

**\* Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

**\* Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

**\* Kĩ thuật:** Động não.

**\* Thời gian:** 1 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| GV trích dẫn 1 đoạn thơ hay của các nhà thơ hiện đại VN về t/y quê hương đất nước.  -> Đề tài về quê hương đất nước, con người trong thơ ca nói chung và thơ ca dân gian nói riêng..  Nhà văn I-li-a E-ren-bua đã từng nói: “Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất ,yêu cái cây trồng ở trước nhà, yêu cái phố nhỏ đỗ ra bờ sông, yêu vị thơm chua mát của trái lê mùa thu hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh…” Quả thật trong mỗi con người chúng ta ai cũng có 1 tình yêu quê hương đất nước mạnh mẽ. Đằng sau những câu hát đối đáp, những lời nhắn gởi ấy là cả 1 tình yêu chân chất, niềm tự hào sâu sắc, tinh tế đối với quê hương đất nước con người. Hôm nay, trong tiết học này cô và các em cùng tìm hiểu những tình cảm ấy qua: “Những câu hát về tình yêu quê hương đất nước con người”. | - Học sinh lắng nghe và ghi tên bài. |  |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\* Mục tiêu** :

- Hs nắm được thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.

- Hs nắm được các giá trị của văn bản.

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác...

**\* Phương pháp:** Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình, phân tích, giảng bình, thảo luận nhóm.

**\* Kỹ thuật:** Động não, giao việc, .

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| GV nêu yêu cầu  - Đọc với giọng hỏi đáp, hồ hởi, phấn khởi, tự hào, nghỉ đúng nhịp  - Gv cho hs đọc bài ca dao 1,4  - HS đọc chú thích  - Cho hs đọc nhập vai 1 nam, 1 nữ  Đây là lời của những ai? Bài ca dao này có bố cục riêng như thế nào?  -Hs đọc bài 1  Những địa danh nào được nhắc tới trong lời đối đáp?  Vì sao chàng trai, cô gái lại dùng những địa danh với những đặc điểm của từng địa phương như vậy để hỏi đáp?  Sự am hiểu đó thể hiện điều gì?  - Một số bài ca dao đối đáp :  + Đố anh chi sắc hơn dao  Chi sâu hơn bể, chi cao hơn trời . (Hỏi)  + Em ơi, mắt sắc hơn dao  Dạ sâu hơn bể, trán cao hơn trời (Đáp)  + Đến đây thiếp mới hỏi chàng (Hỏi)  Cây chi hai gốc nửa vàng nửa xanh?  + Nàng hỏi, anh kể rõ ràng (Đáp)  Cầu vồng hai cội nửa vàng nửa xanh  Bài 4:  -Đọc bài ca thứ 4.  - Hai dòng đầu bài 4 có những gì đặc biệt về từ ngữ? Những nét đặc biệt ấy có tác dụng, ý nghĩa gì?  +HS cần quan sát về số lượng từ, điệp từ, trật tự nhóm từ …  + Cánh đồng “mênh mông bát ngát … bát ngát mênh mông” nói lên sự giàu có của quê “em”. Bằng tấm lòng yêu mến, tự hào nơi chôn nhau cắt rốn của mình, mảnh đất đã thấm biết bao máu và mồ hôi của ông bà tổ tiên, của đồng bào từ bao đời nay thì nhà thơ dân gian mới có thể viết nên những lời ca mộc mạc mà đằm thắm nghĩa tình, đọc lên làm xao xuyến lòng người như vậy.  Theo em cách lặp, đảo đối có tác dụng gì?  Hai dòng cuối là hình ảnh của ai?Hình ảnh đó được so sánh với hình ảnh gì?  Nhận xét của em về NT ở hai dòng sau? Nhằm mục đích gì?  \_ Bài 4 là lời của ai? Người ấy muốn biểu hịên tình cảm gì? Em có biết cách hiểu nào khác về bài ca này không và có đồng ý với cách hiểu ấy không? Vì sao? | Hs đọc  Giải thích một số chú thích khó trong sgk.  - 5 cửa ô Hà Nội, sông Lục Đầu, sông Thương, núi Tản Viên, đền Sòng Thanh Hoá, Lạng Sơn  - Vì:  Câu hỏi và lời đáp hướng về nhiều đại danh ở đó không chỉ có những đặc điểm địa lí tự nhiên và cả những dấu vết lịch sử văn hóa rất nổi bật  Người hỏi biết chọn nét tiêu biểu để hỏi, người đáp hiểu rất rõ và trả lời đúng ý người hỏi  Hỏi đáp như vậy thẻ hiện sự hiểu biết , chia sẻ hiểu biết, thử độ hiểu biết của nhau.  + 1 HS đọc lại bài ca thứ 4.  - Những dòng thơ này được kéo dài ra, khác những dòng thơ bình thường. Dòng thơ nào cũng kéo dài 12 tiếng để gợi sự dài rộng, to lớn của cánh đồng.  - Các điệp từ, đảo từ và đối xứng (đứng bên tê đồng \_ đứng bên ni đồng); (mênh mông bát ngát\_ bát ngát mênh mông) nhìn ở phía nào cũng thấy cái mênh mông rộng lớn của cánh đồng. Cánh đồng không chỉ rộng lớn mà còn rất đẹp, trù phú, đầy sức sống đang lên  ⇒+ Tạo ấn tượng cảnh cánh đồng lúa bạt ngàn xanh tốt, nhìn ở phía nào cũng thấy mênh mông, rộng lớn, đẹp và trù phú.  + Biểu hiện cảm xúc phấn chấn yêu quê hương, yêu đời của người nông dân  - So sánh → vẻ đẹp tràn đầy sức sống  Hai dòng cuối miêu tả hình ảnh cô gái.Cô gái được so sánh “như chẽn lúa đồng đồng”có sự tương đồng ở nét trẻ trung phơi phới và sức sống đang xuân.  - Nhịp 4/4/4 lặp cả hai dòng nhóm từ dòng sau lặp lại, đảo và đối xứng với các nhóm từ đằng trước  \_ Cũng có cách hiểu bài này là lời cô gái trước cánh đồng rộng lớn mênh mông nghĩ về thân phận của mình như “chẽn lúa đòng đòng … ban mai” đẹp cái vẻ đẹp của thiên nhiên tươi tắn, trẻ trung, đầy sức sống … nhưng rồi sẽ ra sao? Nỗi lo âu của cô gái thể hiện rõ nhất ở “Phất phơ” và sự đối lập: cánh đồng thì rộng mà chẽn lúa thì nhỏ nhoi, vô định cũng như “dải lụa đào phất phơ giữa chợ”, không biết số phận mình sẽ an bài như thế nào?  3: Tổng kết  - Qua các bài ca vừa tìm hiểu, em có nhận xét chung gì về nội dung và nghệ thuật | **I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH**  **1. Đọc**  **2. Chú thích**  **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**  **Bài 1:**  - Lời của 2 người (1 nam, 1 nữ)  - Bố cục 2 phần:  + Phần đầu lời người hỏi  + Phần sau lời người đáp  - Đây là lời của chàng trai và cô gái, hỏi đáp về những địa danh, đặc điểm của từng đại danh.  ⇒Thể hiện tình yêu đối với quê hương đất nước mình, bày tỏ tình cảm với nhau.    **Bài 4:**  - câu thơ dài,điệp từ, đảo ngữ, đối xứng, từ láy  = > Ca ngợi cánh đồng và vẻ đẹp mảnh mai, nhiều duyên thầm của cô gái. Đó cũng là cách bày tỏ tình cảm với cô gái của chàng trai.  **III.Ghi nhớ: SGK/40** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH.**

**\* Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

**\* Thời gian**: 7- 10 phút.

**\* Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm...

**\* Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy....

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| ? Bằng cảm nhận của em sau khi học VB, hãy tái hiện nd vb bằng cách đọc diễn cảm của mình?  ? Em thích nhất câu (bài) ca dao nào? Tại sao?  - Chia lớp làm 2 nhóm.  + Nhóm 1: Bài 1/40.  + Nhóm 2: Bài 2/40.  GV nhận xét, kết luận  ? Hãy nêu cảm nhận của em về 1 bài ca dao bằng 1 đoạn văn ngắn?  GV nhận xét, cho điểm | \* 5 H/s đọc cả văn bản  -> Cả lớp nghe và nhận xét.  \* Tự bộc lộ  \* Các nhóm trao đổi, cử đại diện trình bày.  \* Nghe, ghi chép  \* Viết đoạn văn (5’)  -> trình bày  -> nhận xét, cho điểm | **IV. Luyện tập**  Bài1: sgk/40.  Bài 2: sgk/40.  + Nhóm 1: Thể thơ chủ yếu là lục bát. Còn 1 số bài là lục bát biến thể.  + Nhóm 2: T/c chung là t/y quê hương đất nước.  " Gió đưa cành ................"  " Anh đi anh nhớ............"  " Làng ta ........................."  " Đồng Đăng có.............."  Bài tập 3. Viết đoạn văn |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**\* Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

**\* Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

**\* Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

**\* Thời gian:** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| Gv giao bài tập | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | Gv giao bài tập |

**Bài tập**

**Bài tập trắc nghiệm:** Hãy khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời em chò là đúng.

**Bài 1:** Đọc bài ca dao sau đây:

“Công cha như núi ngất trời

Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông

Núi cao biển rộng mênh mông

Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!”

Bài ca dao trên là lời của ai nói với ai?.

A Lời của cha mẹ nói với con cái.

B Lời của ông bà nói với con cháu.

C Lời của mẹ nói với con gái.

D Lời của anh em khuyên nhủ lẫn nhau.

**Bài 2:** Đọc bài ca dao sau đây:

- Ở đâu năm cửa nàng ơi

Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng?

Sông nào bên đục bên trong?

Núi nào thắt cổ bồng mà lại có thánh sinh?

Đền nào thiên nhất xứ Thanh

Ở đâu mà lại có thành tiên xây?

-Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi

Sông Lục đầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.

Nước sông Thương bên đục bên trong

Núi Đức Thánh Tản thắt cổ bồng lại có thánh sinh

Đền Sòng thiên nhất xứ Thanh

Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây.

Đặc điểm hình thức nổi bật của bài ca dao trên là gì?

A Độc thoại B Kể chuyện

C Đối đáp D Miêu tả

**Bài 3:** Đọc bài ca dao sau đây:

Nước non lận đận một mình

Thân cò lên thác xuồng ghềnh bấy nay

Ai làm cho bể kia đầy

Cho ao kia cạn cho gầy cò con.

Hình ảnh con cò trong bài ca dao trên thể hiện thân phận người nông dân ngày xưa như thế nào?

A Người nông dân nhỏ bé bị hắt hủi,thân phận thấp cổ bé miệng.

B Người nông dân gặp nhiều oan trái trong cuộc sống.

C Người nông dân bị dồn đẩy đến bước đường cùng.

D Người nông dân cuộc sống trắc trở,khó nhọc,đắng cay.

**Bài 4:** Đọc câu ca dao sau đây:

Thương thay thân phận con tằm

Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ

Hình ảnh con tằm trong câu ca dao trên nói đến cuộc đời ,thân phận của những ai trong xã hội ngày xưa?

A Những cuộc đời nô lệ ,suốt đời bị bóc lột sức lao động.

B Những thân phận nhỏ nhoi vất vả ,khổ cực suốt đời mà vẫn nghèo khổ.

C Những cuộc đời lận đận ,phiêu bạt tha phương để kiếm sống.

D Thân phận thấp cổ bé miệng với nổi khổ ,nổi đau oan trái suốt đời.

**Bài 5:** Đọc những câu ca dao sau đây:

Cậu cai nón dấu lông gà

Ngón tay đeo nhẫn gọi là cậu cai

Ba năm được một chuyến sai

Áo ngắn đi mượn quần dài đi thuê.

Em hãy cho biết nét tính cách nào sau đây nói đúng về chân dung của “chú tôi” trong bài ca dao trên.

A Tham lam và ích kỉ B Độc ác và tàn nhẫn

C Dốt nát và háo danh D Nghiện ngập và lười biếng

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**\* Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

**\* Phương pháp:** Dự án

**\* Kỹ thuật:** Giao việc

**\* Thời gian:** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| Gv giao bài tập  - Sưu tầm ca dao của địa phương thuộc chủ đề trên và tự học thuộc. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... | .............. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

**1. Bài cũ:**

- Học thuộc lòng 2 bài ca dao, nắm được nd, ý nghĩa và 1 số hình thức nghệ thuật.

**2. Bài mới:**

- Soạn bài từ ghép

+ Ôn lại từ ghép ( Ngữ văn 6).

+ Đọc, trả lời các câu hỏi SGK

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*8

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TIẾNG VIỆT | **TỪ GHÉP** |  |

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Cấu tạo của từ ghép chính phụ, từ ghép đẳng lập

- Đặc điểm về nghĩa của các từ ghép chính phụ, từ ghép đẳng lập.

**2. Kỹ năng**

- Nhận diện các loại từ ghép.

- Mở rộng, hệ thống hoá vốn từ.

- Sử dụng từ: dùng từ ghép chính phụ khi cần diễn đạt cái cụ thể, dùng từ ghép đẳng lập khi cần diễn đạt cái khái quát.

\* **Kĩ năng sống**

+ Ra quyết định: lựa chọn cách sử dụng từ ghép phù hợp với thực tiễn giao tiếp của bản thân.

+ Giao tiếp: trình bày suy nghĩ, ý tưởng, thảo luận và chia sẻ quan điểm cá nhân về cách sử dụng từ ghép.

**3.Thái độ**

- Có ý thức yêu thích bộ môn

- Nghiêm túc tự giác trong học tập

- Có ý thức trau dồi vốn từ và biết sử dụng từ ghép một cách hợp lí.

**4. Định hướng phát triển năng lực học sinh**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, nêu và giải quyết vấn đề

- Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận về nội dung bài học

- Phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học bài

- Năng lực biết làm và làm thành thạo công việc, năng lực sáng tạo và khẳng định bản thân

**-** Năng lực phân tích ngôn ngữ ,giao tiếp ...

- Năng lực làm bài tâp. ,lắng nghe ,ghi tích cực ...

- Năng lực làm việc độc lập , trình bày ý kiến cá nhân.

- Năng lực giải quyết tình huống, năng lực phát hiện, thể hiện chính kiến, giao tiếp, năng lực biết làm thành thạo công việc được giao, năng lực thích ứng với hoàn cảnh

**II – CHUẨN BỊ**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**:

Đọc tài liệu, soạn bài.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

Đọc ,trả lời các câu hỏi trong SGK.

**III – TIỂN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: **Ổn định tổ chức**

**\* Bước 2:** **Kiểm tra bài cũ**

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

**\* Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh.

**\* Phương pháp:** Thuyết trình

**\* Kỹ thuật :** Động não

**\* Thời gian:** 1’.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| Ở lớp 6 các em đã học **Cấu tạo từ** trong đó phần nào các em đã nắm được khái niệm từ ghép(đó là những từ phức được cấu tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa với nhau).Để giúp các em có kiến thức sâu rộng hơn về cấu tạo,trật tự sắp xếp của từ ghép.Chúng ta đi tìm hiểu bài học hôm nay . | - Học sinh lắng nghe và ghi tên bài. |  |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\* Mục tiêu:** Nắm được khái niệm từ ghép, các loại từ ghép, nghĩa của từ ghép

\* **Thời gian** :20’

\* **Phương pháp:** thuyết trình, vấn đáp gợi tìm

\* **Kĩ Thuật:** KTB, động não.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| ? Thế nào là từ ghép?  **Tìm hiểu** **cấu tạo của từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.**  Cho HS đọc 2 ví dụ SGK / 13 , chú ý từ in đậm **: Bà ngoại, thơm phức**  ? Trong các từ ghép “bà ngoại” và “thơm phức”, tiếng nào là tiếng chính, tiếng nào là phụ bổ sung ý nghĩa cho tiếng chính?  Cho HS tìm thêm ví dụ tương tự .  **GV kết luận:** Từ ghép có tiếng chính, tiếng phụ gọi là từ ghép chính phụ.  - Em có nhận xét gì về vị trí của tiếng chính, tiếng phụ trong từ ghép chính phụ ?  ? Các từ ghép “quần áo”, “trầm bổng” có phân ra tiếng chính tiếng phụ không?  Cho HS tìm thêm ví dụ tương tự .  **GV kết luận**: Từ ghép có các tiếng bình đẳng nhau về mặt ngữ pháp ( không phân ra tiếng chính tiếng phụ ) gọi là từ ghép đẳng lập .  ? Như vậy, dựa vào cấu tạo của từ ghép ta có thể chia chúng thành mấy loại, đó là những loại nào ?  - Cho học sinh nhắc lại thế nào là từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.Cho HS đọc ghi nhớ 1 – phần 2 / SGK 14  **Tìm hiểu** **nghĩa của từ ghép.**  - Hãy so sánh nghĩa của từ **bà** với **bà ngoại** khác nhau như thế nào ?  - Tương tự, với từ **thơm** và **thơm phức.**  (?) Trong các từ trên, từ nào có nghĩa rộng hơn ?  **GV nhận định:**  Có sự khác nhau đó là do tác dụng của tiếng đứng sau ngoại, phức bổ sung ý nghĩa cho tiếng đứng trước .  - Tiếng chính : Tiếng được bổ sung nghĩa.  - Tiếng phụ : Tiếng bổ sung nghĩa.  - Qua sự so sánh ở phần đầu, hãy rút ra kết luận về nghĩa của từ ghép chính phụ so với nghĩa của tiếng chính ?  **GV kết luận:** Từ ghép C – P có tính chất phân nghĩa, nghĩa của nó hẹp hơn tiếng chính .  **GV nói thêm:**  Quan sát nghĩa của từ ghép chính phụ, ta cần chú ý là các tiếng phụ, tuy có tác dụng phân nghĩa để cấu tạo từ ghép làm tên gọi của một loại sự vật, hoạt động, tính chất, nhưng không nên từ nghĩa của tiếng phụ để suy luận một cách máy móc, hiểu sai các ý nghĩa đích thực của từ ghép. Ví dụ: cà chua là một loại quả chứ không phải cà có vị chua.  ? So sánh nghĩa của từ “**quần áo**” với từ **quần**, **áo**, từ “**trầm bổng**” với từ **trầm**, **bổng**.  ? Vậy trong các từ trên, từ nào có nghĩa khái quát hơn ?  Em có nhận xét gì về nghĩa của từ ghép đẳng lập so với nghĩa của các tiếng ?  **GV kết luận:** Nghĩa của từ ghép đẳng lập chung hơn, khái quát hơn nghĩa các tiếng.  **GV nói thêm:**  Quan hệ về nghĩa giữa các tiếng trong từ ghép đẳng lập có thể có các quan hệ:  - Đồng nghĩa: to lớn , xinh đẹp …  - Trái nghĩa: trầm bổng , đi lại …  - Gần gũi: giày dép , quần áo …  Cho HS tìm thêm ví dụ  **HOẠT ĐỘNG 3: Tổng kết**  GV cho HS nhắc lại 1 lần nữa các loại từ ghép và nghĩa của chúng**.**  HS đọc ghi nhớ SGK /14  **Lưu ý**:  - Các từ “dưa hấu, cá trích, ốc bưu” tuy các từ phụ không rõ nghĩa nhưng ta vẫn xếp chúng vào từ ghép chính phụ vì nghĩa của các từ này hẹp hơn nghĩa khái quát của từ “dưa, cá, ốc”.  - Còn các từ “giấy má, viết lách, quà cáp” tuy có từ “má, lách, cáp” không rõ nghĩa nhưng các từ trên có nghĩa rộng, khái quát hơn từ “giấy, viết, quà” nên nó là từ ghép đẳng lập | HS phát biểu.  Đó là từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.  - Bà ngoại: “bà” là tiếng chính, “ngoại” là tiếng phụ.  - Thơm phức: “thơm” là tiếng chính, “phức” là tiếng phụ.  **- Ví dụ :** Nhà ăn, xe máy …  - Vị trí: Tiếng chính đứng trước, tiếng phụ đứng sau.  - Các từ **quần áo**, **trầm** **bổng** không phân chia thành tiếng chính hay phụ. Chúng bình đẳng với nhau về mặt ngữ pháp.  **- Ví dụ** : Nhà cửa, trường lớp…  **HS phát biểu**  **HS đọc**  - Bà: Người đàn bà sinh ra mẹ hoặc cha.  - Bà ngoại :Người đàn bà sinh ra mẹ .  - Thơm : Có mùi như hương của hoa, dễ chịu, làm cho thích ngửi.  - Thơm phức : Có mùi thơm bốc lên rất mạnh, hấp dẫn .  Từ “**bà**”, “**thơm**” có nghĩa rộng hơn.  Nghĩa của từ ghép C - P hẹp hơn, cụ thể hơn nghĩa của tiếng chính.  - Quần áo: quần áo nói chung, có thể chỉ riêng **quần** hoặc **áo**.  - Trầm bổng: âm thanh lúc cao lúc thấp nghe rất êm tai, có thể chỉ âm thanh, giai điệu hay nói chung.  Từ **quần áo, trầm bổng**.  Nghĩa của từ ghép đẳng lập chung hơn, khái quát hơn so với nghĩa của các tiếng  **Ghi vào vở** | **I. TÌM HIỂU BÀI**  **1. Các loại từ ghép**  **a. Ví dụ/sgk/13**  **b. Nhận xét**  Từ ghép chính phụ  Từ ghép đẳng lập.  **2. Nghĩa của từ ghép**  **a. Ví dụ/sgk/13**  xét lại ví dụ/sgk/13  **b. Nhận xét**  **-** Từ ghép chính phụ có tính chất phân nghĩa. Nghĩa của từ ghép chính phụ hẹp hơn nghĩa của tiếng chính  - Từ ghép đẳng lập có tính chất hợp nghĩa. Nghĩa của từ ghép đẳng lập khái quát hơn nghĩa các tiếng tạo nên nó.  **II. GHI NHỚ 1,2 /SGK/ 14** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**

**\* Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

**\* Thời gian**: 20- 22 phút.

**\* Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

**\* Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| - Đọc yêu cầu BT 1.  - Gọi HS nhận xét.  - Yêu cầu của BT là gì?  - HS làm một số từ, còn lại về nhà làm.  - Đọc và làm BT 3  - BT 4 yêu cầu điều gì? hãy giải thích? | 2 em lên bảng điền vào cột.  - HS làm bài tập.  - HS đọc - làm BT.  - HS trả lời. | **Bài tập 1:**  - Từ ghép chính phụ: lâu đời, xanh ngắt, nhà máy, nhà ăn, cười nụ.  - Từ ghép đẳng lập: suy nghĩ, chài lưới, cây cỏ, ẩm ướt, đầu đuôi.  **Bài tập 2:**  - Bút: bút chì, bút máy,...  - Thước: thước kẻ, thước gỗ,...  - Mưa: mưa rào, mưa phùn,...  **Bài tập 3:**  - Mặt: măt mũi, mặt mày,...  - Học: học hành, học hỏi,...  **Bài tập 4:**  - Có thể nói: một cuốn sách, một cuốn vở vì sách và vở là những danh từ chỉ sự vật, tồn tại dưới |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**\* Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo.

**\* Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

**\* Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

**\* Thời gian:** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| Gv giao bài tập | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... |  |

**Bài tập củng cố:**

**Có thể vận dụng linh hoạt một số hình thức bài tập sau:**

1. **Bài tập trắc nghiệm**

**Bài 1:**Hãy sắp xếp các từ ghép sau đây vào bẳng phân loại: Học hành, nhà cửa, xoài tượng, nhãn lồng, chim sâu, làm ăn, đất cát, xe đạp, vôi ve, nhà khách, suy nghĩ, lâu đời, xanh ngắt, nhà máy, nhà ăn, chài lưới, cỏ cây, ẩm ướt, đầu đuôi, cười nụ

|  |  |
| --- | --- |
| Từ ghép chính phụ | Từ ghép đẳng lập |
| xoài tượng, nhãn lồng, chim sâu, làm ăn, xe đạp, lâu đời, xanh ngắt, nhà máy, nhà ăn, cười nụ | Học hành, vôi ve, nhà cửa, đất cát, chài lưới, cỏ cây, ẩm ướt, đầu đuôi, |

**Bài 2:**Nối cột A với cột B để tạo thành các từ ghét chính phụ hợp nghĩa.

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| bút | tôi |
| xanh | mắt |
| mưa | bi |
| vôi | gặt |
| thích | ngắt |
| mùa | ngâu |

**Bài 3:**Tại sao nói một cuốn sách, một cuốn vở mà không thể nói một cuốn sách vở?

- Sách, vở là những DT chỉ cá thể => Có thể kết hợp được với số từ

- Sách vở là từ có nghĩa tổng hợp (Cả sách và vở) nên không thể kết hợp được với số từ.

**Bài 4:** Dòng nào định nghĩa đúng nhất về từ ghép chính phụ ?

1. Là từ ghép có tiếng chính đứng trước làm chỗ dựa và tiếng phụ đứng sau bổ sung ý nghĩa cho tiếng chính.
2. Là từ ghép có hai tiếng, tiếng phụ có nghĩa, tiếng chính không có nghĩa
3. Là từ ghép có hai tiếng, một tiếng có nghĩa một tiếng không có nghĩa
4. Là từ ghép có hai tiếng, nghĩa của mỗi tiếng có giá trị ngang nhau làm nên nghĩa chung.

**Bài 5:** Dòng nào định nghĩa đúng nhất về từ ghép đẳng lập ?

1. Là từ ghép có tiếng chính và tiếng phụ bổ sung ý nghĩa cho tiếng chính, tiếng chính đứng trươc, tiếng phụ đứng sau.
2. Nghĩa của từ hẹp hơn, cụ thể hơn so với nghĩa của tiếng chính
3. Là từ ghép có các tiếng bình đẳng về ngữ pháp ( không phân ra tiếng chính, tiếng phụ)
4. Các tiếng không có nghĩa, chỉ khi ghép lại mới có nghĩa.

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**\* Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

**\* Phương pháp:** Dự án

**\* Kỹ thuật:** Giao việc

**\* Thời gian:** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| Gv giao bài tập, vẽ sơ đồ tư duy | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... | ……………. |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

**1. Bài cũ**

- Học bài

- Hoàn thành các bài tập còn lại trong SGK

**2. Bài mới**

- Soạn bài : Qua trình tạo lập văn bản.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TẬP LÀM VĂN | **QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN** |  |

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Các bước tạo lập VB trong giao tiếp và viết Tập làm văn.

**2. Kĩ năng:**

- Tạo lập văn bản có bố cục, liên kết, mạch lạc.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức vận dụng các bước tạo lập văn bản trong khi viết văn.

**4. Định hướng phát triển năng lực hs:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, nêu và giải quyết vấn đề

- Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận về nội dung bài học

- Phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học bài

- Năng lực biết làm và làm thành thạo công việc, năng lực sáng tạo và khẳng định bản thân

**-** Năng lực phân tích ngôn ngữ ,giao tiếp ...

- Năng lực làm bài tâp. ,lắng nghe ,ghi tích cực ...

- Năng lực làm việc độc lập , trình bày ý kiến cá nhân.

- Năng lực giải quyết tình huống, năng lực phát hiện, thể hiện chính kiến, giao tiếp, năng lực biết làm thành thạo công việc được giao, năng lực thích ứng với hoàn cảnh

**II – CHUẨN BỊ**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**:

Đọc tài liệu, soạn bài.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

Đọc ,trả lời các câu hỏi trong SGK.

**III – TIỂN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: **Ổn định tổ chức**

**\* Bước 2:** **Kiểm tra bài cũ**

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

**- Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

**- Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

**- Kĩ thuật:** Động não.

**- Thời gian:** 1 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| - Đặt vấn đề cho HS: Các em vừa học về bố cục và mạch lạc trong văn bản, Hãy suy nghĩ xem: Các em học những kiến thức và kĩ năng ấy để làm gì? Chỉ để hiểu biết thêm về Vb hay còn một lí do nào khác nữa?  Các em vừa được học về liên kết, bố cục và mạch lạc trong VB. Các em học những kiến thức và kĩ năng ấy làm gỡ? Chỉ để hiểu biết thêm về VB thôi hay còn vì 1 lí do nào khỏc nữa? Để giúp các em hiểu rừ và nắm vững hơn về những vấn đề mà ta đó học, chỳng ta cựng tỡm hiểu về 1 cụng việc hoàn toàn khụng xa lạ, 1 cụng việc cỏc em vẫn làm đó là “Quá trình tạo lập VB”.  -> Vào bài, ghi bảng | \* 1-2 HS trả lời  \* Nghe -> ghi bài | **Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình** |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\* Mục tiêu:** HS nắm được các bước tạo lập VB.

**\* Thời gian:** 20’

**\* Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận

**\* Kĩ thuât : Khăn trải bàn, phiếu học tập, động não**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| **1. Tìm hiểu các bước tạo lập văn bản:**  - Yêu cầu HS lần lượt đọc các mục SGK và trả lời.  **? Khi nào thì người ta có nhu cầu tạo lập văn bản? Khi cần viết thư thì điều gì thôi thúc người ta viết thư ?**  GV nhấn mạnh, yêu cầu của hoàn cảnh phải chuyển thành nhu cầu chủ quan của HS. Chẳng hạn làm bài tập làm văn là do bắt buộc nhưng mỗi học sinh đều muốn làm văn cho hay, bộc lộ cho hết năng lực của mình.  **? Để tạo lập văn bản (VD viết thư) trước tiên xác định rõ những vấn đề nào?**  **? Bỏ qua 1 vấn đề trong 4 vấn đề đó thì có thể tạo lập văn bản được không ?**  **2: Tạo lập văn bản**  **? Sau khi xác định 4 vấn đề đó, cần phải làm việc gì để viết được văn bản?**  ? **Chỉ có ý và dàn ý thì đã tạo lập văn bản được chưa? Cần làm gì nữa? Hãy cho biết việc viết thành văn ấy cần đạt những yêu cầu nào trong các yêu cầu sau:**   * Đúng chính tả. * Đúng ngữ pháp. * Đúng từ chính xác. * Có tính liên kết. * Có mạch lạc. * Kể chuyện hấp dẫn. * Lời văn trong sáng   ? Sau khi tạo lập xong văn bản có cần kiểm tra lại không ?  GV nhận định  **Trong sản xuất, bao giờ cũng có bước kiểm tra sản phẩm, có thể coi văn bản cũng là một loại sản phẩm cần được kiểm tra sau khi hoàn thành**  HOẠT ĐỘNG 3: Tổng kết  **Vậy để làm 1 VB, người tạo lập văn bản cần phải lần lượt thực hiện các bước như thế nào ?**  **\_ Qua tìm hiểu bài, em cho biết khi tạo lập văn bản cần thực hiện các bước gì?** | Đọc mục 1 và trả lời.  - Khi con người muốn thông tin một vấn đề gì đó như tri thức, tình cảm thì mới tạo lập văn bản. Chẳng hạn khi muốn hỏi thăm tình hình một người bạn xa cách đã lâu thì ta có thể viết thư (tạo lập VB )  Học sinh trả lời:  Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết về cái gì? Viết như thế nào?  \_ Không thể bỏ qua vấn đề nào cả. bởi lẽ nó sẽ quy định nội dung và cách làm văn bản .  - Sau khi đã xác định 4 vấn đề đó,cần phải tìm ý và sắp xếp ý để có một bố cục rành mạch, hợp lí,thể hiện đúng định hướng trên.  - Chỉ có ý và dàn bài không chưa phải là công việc cuối cùng của việc tạo lập văn bản. Người tạo lập văn bản còn phải làm công việc viết thành văn. Việc viết văn phải đạt các yêu cầu:  \_ Đúng chính tả; \_ Đúng ngữ pháp;  \_ Dùng từ chính xác; \_ Sát với bố cục;  \_ Có tính liên kết; \_ Có tính mạch lạc;  \_ Lời văn trong sáng.  HS trả lời.  \_HS đọc ghi nhớ SGK / 46  ( Định hướng ⭢ Bố cục ⭢ Diễn đạt ⭢ Kiểm tra) . | **I. TÌM HIỂU BÀI**  **1Các bước tạo lập văn bản**  **a. Ví dụ/sgk/45**  **b. Nhận xét**  - Định hướng chính xác.  - Lập dàn ý: Tìm ý và sắp xếp ý  - Diễn đạt ý thành câu, đoạn văn.  - Kiểm tra lại văn bản .  **II. GHI NHỚ/SGK/ 46** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**\* Mục tiêu:** - Củng cố lại những kĩ năng, kiến thức đã được học về liên kết, bố cục và mạch lạc trong VB.

**\* Thời gian:** 18’

**\* Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận

**\* Kĩ thuật:** Khăn trải bàn, phiếu học tập, động não

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| - GV: chia lớp làm 4 nhóm: Làm bài 2,3/46  - Y/c HS trao đổi trong nhóm và cử đại diện trình bày.  - Nhận xét, bổ sung, sửa chữa.  - Gv chia nhóm, phát PHT áp dụng **kĩ thuật KTB** cho HS làm BT4/sgk.  - Nhận xét, kết luận | - Hs thảo luận nhúm bàn ....  \* Thảo luận nhóm (8’), cử đại diện trình bày.  -> Nhận xét, bổ sung  \* Làm cá nhân vào góc khăn của mình  -> thống nhất vào nhóm  - Đại diện 2 nhóm trình bày  HS nhóm khác nhận xét, bổ sung  \* Ghi bài | **1.Bài 1 SGK/ 46.**  - Củng cố các bước tạo lập VB.  **2. Bài 2 sgk/46**  a) Báo cáo của bạn đó là ko phù hợp.Vì cần phải rút ra KN học tập để giúp các bạn học tốt hơn.  b) Bạn đó xác định ko đúng đối tượng giao tiếp ( đ/t là hs).  **- Bài 3 sgk/46**  - Dàn bài là cái sườn nên cần ngắn gọn.. Lời lẽ ko nhất thiết là câu văn hoàn chỉnh....  - Các phần, các mục, lớn nhỏ cần thể hiện trong một hệ thống chặt chẽ. (Kí hiệu, gạch đầu dòng....)  **4. Bài 4 sgk/46**  B1 Định hướng:  - Thanh minh, xin lỗi.  - Đ/tượng: Bố.  - Mục đích: Để bố hiểu và tha thứ lỗi lầm.  B2: Xây dựng bố cục.  \* MB: Lý do viết thư.  \*TB: Thanh minh xin lỗi.  \* KB: Lời hứa ko tái phạm.  B3: Diễn đạt thành lời văn.  B4: KTra lại VB. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**\* Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác.

**\* Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

**\* Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

**\* Thời gian:** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| Gv giao bài tập | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | ………… . |

**Bài tập củng cố:**

**Bài tập trắc nghiệm**

**Bài 1:** Trong các yếu tố sau, yếu tố nào không có trong quá trình tạo lập văn bản?

1. Thời gian ( văn bản được nói và viết vào lúc nào ?)
2. Đối tượng ( nói , viết cho ai ?)
3. Nội dung ( nói , viết về cái gì ?)
4. Mục đích ( nói , viết để làm gì )

**Bài 2:** Dòng nào ghi đúng các bước tạo lập văn bản ?

1. Định hướng và xây dựng bố cục
2. Xây dựng bố cục và diễn đạt thành câu, đoạn hoàn chỉnh
3. Xây dựng bố cục, định hướng kiểm tra, diễn đạt thành câu, đoạn
4. Định hướng, xây dựng bố cục , diễn đạt thành câu , đoạn hoàn chỉnh, kiểm tra văn bản vừa tạo lập.

**Bài 3:** Hãy kể những việc em cần làm trước khi viết bài tập làm văn theo đề bài: e hình dung mình là E-ri –cô viết bức thư cho bố nói lên tình cảm của mình sau khi đọc bức thư của bố.

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**\* Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

**\* Phương pháp:** Dự án

**\* Kỹ thuật:** Giao việc

**\* Thời gian:** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| Gv giao bài tập  - Tập viết 1 đoạn văn có tính mạch lạc. | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... | .......... |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

**1. Bài cũ:**

- Học thuộc ghi nhớ

- Đọc thêm

**2. Bài mới:**

Chuẩn bị bài: luyện tập tạo lập văn bản.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TẬP LÀM VĂN | **LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN** |  |

**I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Văn bản và qui trình tạo lập văn bản.

**2. Kĩ năng:**

- Tiếp tục rèn luyện kĩ năng tạo lập VB.

**3. Thái độ:**

- Có ý thức tiến hành các bước tạo lập VB khi xây dựng 1 VB.

**4. Định hướng phát triển năng lực hs:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, nêu và giải quyết vấn đề

- Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận về nội dung bài học

- Phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học bài

**II – CHUẨN BỊ**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**:

Đọc tài liệu, soạn bài.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

Đọc ,trả lời các câu hỏi trong SGK.

**III – TIỂN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: **Ổn định tổ chức**

**\* Bước 2:** **Kiểm tra bài cũ**

Kiểm tra việc chuẩn bị sách vở đồ dùng của học sinh

**\* Bước 3: tổ chức dạy và học bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

**\* Mục tiêu:** Tạo tâm thế và định hướng chú ý

**\* Phương pháp:** vấn đáp, thuyết trình.

**\* Kĩ thuật:** Động não.

**\* Thời gian:** 1 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| - Chiếu 1 bài làm TLV của HS mắc nhiều lỗi về nội dung và hình thức cho HS quan sát, phát hiện lỗi: xa đề, thiếu ý, lỗi chính tả.  => ? Vì sao bài viết mắc nhiều lỗi?  - GV yêu cầu HS nhắc lại trình tự các bước trong quá trình tạo lập VB:  - GV: Trong tiết học này các em đã tập trung luyện về 4 bước trong quá trình tạo lập VB.  - Ghi bảng | \* HS quan sát, phát hiện lỗi  \* HS giải thích được do không tuân thủ các quy trình tạo lập VB.  \* Nhắc lại các bước trong quá trình tạo lập VB  \* Nghe, ghi bài | **Kĩ năng quan sát nhận xét, thuyết trình** |

**HOẠT ĐỘNG 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\* Mục tiêu:**

+ Học sinh xác lập được các bước tạo lập văn bản với một đề bài cụ thể

+ Rèn kỹ năng làm việc cá nhân.

**\* Thời gian:** 15- 17 phút.

**\* Phương pháp**: Đọc diễn cảm, nêu vấn đề, vấn đáp, thuyết trình.

**\* Kỹ thuật:** Động não.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| **1: Các bước tạo lập văn bản**  ? Em hãy nhắc lại các bước tạo lập văn bản ?  ? Ơ lớp 6, các em đã được học 2 kiểu văn bản đó là tự sự và miêu tả và ở tiết 8 các em cũng đã xây dựng bố cục cho 2 văn bản trên. Vậy em nào hãy nhớ và nhắc lại bố cục của 2 bài văn ấy.  GV: Các em vừa nhắc lại các bước tạo lập văn bản và cũng vừa xây dựng lại xong bố cục của 2 văn bản tự sự và miêu tả. Sau đây, chúng ta sẽ đi vào luyện tập tạo văn bản theo đề tài của sách giáo khoa.  **2: Tìm hiểu đề bài**.  Giáo viên cho học sinh đọc đề bài SGK trang 59.  ? Em hãy cho biết đề tài trên thuộc kiểu văn bản gì ?  ? Với đề bài ấy, em sẽ định hướng như thế nào cho bức thư em sẽ viết? Viết về nội dung gì? Vậy em tập trung viết về mặt nào?  ? Viết về nội dung gì ?  ? Em viết cho ai ?  ? Em viết bức thư ấy để làm gì?  ? Bố cục cụ thể của 1 bức thư như thế nào ?  **3: Thực hành tạo lập văn bản**  **Phần đầu thư:**  Địa điểm, ngày, tháng, năm viết thư.  Lời xưng hô với người nhận thư.  Lý do viết thư.  **Nội dung chính của bức thư:**  -Hỏi thăm tình hình sức khoẻ của bạn cùng gia quyến.  -Ca ngợi tổ quốc bạn.  -Giới thiệu về đất nước mình:  \*Con người VN.  \*Truyền thống lịch sử.  \*Danh lam thắng cảnh.  \*Đặc sắc về văn hoá và phong tục VN.  **Phần cuối thư:**  Lời chào, lời chúc sức khoẻ.  Lời mời bạn đến thăm đất nước VN.  Mong tình bạn của 2 nước ngày càng gắn bó khăng khít.  ? Em sẽ bắt đầu bức thư như thế nào cho tự nhiên, gợi cảm chứ không gượng gạo, khô khan?  ? Nếu định viết thư cho bạn để giới thiệu cảnh đẹp của đất nước VN thì em có thể sắp xếp ý trong phần thân bài của bức thư đó theo trình tự dưới đây không:  + cảnh đẹp của mùa xuân VN  + phong tục ăn tết Nguyên Đán của người VN.  + những kì quan, danh thắng của nước VN: Hạ Long, Huế, Hội An…  + vẻ đẹp của kinh rạch, sông nước Cà Mau.  (?) Vì sao không được ?  **GV định hướng 1 lần nữa cho HS cách xây dựng đoạn TB theo trình tự hợp lý.** | **HS phát biểu**  1. Định hướng.  2. Tìm ý, lập dàn ý.  3. Diễn đạt.  4. Kiểm tra  Học sinh nhắc lại yêu cầu trong từng phần “mở, thân, kết” của mỗi loại văn bản.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Tự sự | Miêu tả | | Mở bài | Giới thiệu sự việc | Giới thiệu đối tượng | | Thân bài | Nêu diễn biến 1 sự việc | Tả cụ thể đối tượng. | | Kết luận | Nêu kết thúc | Cảm nghĩ về đối tượng miêu tả. |   HS đọc.  \_ Thuộc kiểu VB viết thư vì đề bài có yêu cầu qua từ “viết thư”  Nội dung:  - Con người Việt Nam: yêu chuộng hòa bình, cần cù, chịa khó…  - Truyền thống lịch sử.  - Danh lam thắng cảnh.  - Những đặc sắc về văn hóa và phong tục ………  Em có thể viết cho bất kì bạn nào đó ở nước ngoài.  \_ Để làm 1 bản tin vàphải nhắc lại các bài học về địa lí, lịch sử gây cảm tình của bạn với đất nước mình và góp phần xây dựng tình hữu nghị | **I. TÌM HIỂU BÀI:**  **1. Các bước tạo lập văn bản:**  - Định hướng chính xác  - Lập dàn ý  - Tạo văn bản  - Kiểm tra văn bản  **2. Thực hành tạo lập VB:**  **Đề:** Em hãy viết thư cho một người bạn để bạn hiểu về đất nước mình (tối đa 1500 chữ)  **- Phần đầu thư:**  + Địa điểm, ngày, tháng, năm viết thư.  + Lời xưng hô với người nhận thư.  + Lý do viết thư.  **- Nội dung chính của bức thư:**  + Hỏi thăm tình hình sức khoẻ của bạn cùng gia quyến.  + Ca ngợi tổ quốc bạn.  + Giới thiệu về đất nước mình:  \*Con người VN.  \*Truyền thống lịch sử.  \*Danh lam thắng cảnh.  \*Đặc sắc về văn hoá và phong tục VN.  - **Phần cuối thư:**  Lời chào, lời chúc sức khoẻ.  Lời mời bạn đến thăm đất nước VN.  Mong tình bạn của 2 nước ngày càng gắn bó khăng khít.  **II. GHI NHỚ.** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH.**

**\* Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.

- Rèn kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác.

**\* Thời gian**: 20- 22 phút.

**\* Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm.

**\* Kỹ thuật:** Động não, bản đồ tư duy.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| \*Họat động 1: Tìm hiểu đề – tìm hiểu ý.  \* Mục tiêu: Tìm hiểu yêu cầu của đề bài.  \* Cách tiến hành:  GV ghi đề bài lên bảng.  Gọi HS đọc đề.    GV:Đề bài trên thuộc kiểu văn bản gì? Do đâu em biết?  HS:Dựa vào từ viết thư.  GV:Nêu nội dung của đề bài?  HS trả lời. GV nhận xét.  GV:Em viết cho ai?  HS:Bất kì 1 bạn nào đó ở nước ngoài.  GV:Em viết bức thư ấy để làm gì?  HS:Gây thiện cảm tình bạn với đất nước mình và góp phần xây dựng tình hữu nghị.  \*Họat động 2: Lập dàn bài .  \* Mục tiêu: Hướng dẫn HS lập dàn bài.  \* Cách tiến hành:  GV:Bố cục cụ thể của một bức thư như thế nào?  GV chia nhóm làm bài  HS trả lời.  GV nhận xét, sửa sai.  \*Họat động 3: Viết bài .  \* Mục tiêu: Hướng dẫn HS viết bài.  \* Cách tiến hành:  GV:Viết 1 đoạn văn trong phần chính bức thư?  GV hướng dẫn HS làm.  HS trình bày bài viết.  GV nhận xét, sửa sai .  GV:Viết phần cuối thư?  HS làm, Trình bày.  GV nhận xét, sửa sai. | HS chép đề và đọc kĩ đề  HS tiến hành phân tích đề( xác định yêu cầu của đề  HS xác định nội dung  HS nêu lại bố cục của một lá thư  NH1 Đầu thư  H2 Phần chính của bức thư  N3 Phần cuối thư  Các nhóm làm và trình bày kết quả  Các nhóm viết bài cử đại diện đoci và nhận xét | **IV. Luyện tập**  ĐỀ: Em hãy viết thư cho 1 người bạn để bạn hiểu về đất nước mình.  **1. Tìm hiểu đề, tìm ý:**  - Thể loại viết thư.  - ND: Bạn hiểu về đất nước Việt Nam.  **2. Lập dàn bài:**  a. Đầu thư.  - Địa điểm, ngày, tháng, năm.  - Lời xưng hô.  - Lý do viết thư.  b. Phần chính bức thư.  - Hỏi thăm sức khoẻ.  - Ca ngợi tổ quốc bạn.  - Giới thiệu đất nước mình.  + Con người Việt Nam.  + Truyền thống lịch sử.  + Danh lam thắng cảnh.  + Văn hoá, phong tục Việt Nam .  c. Cuối thư.  - Lời chào, lời chúc sức khoẻ.  - Lời mời bạn đến Việt Nam .  - Mong tình bạn hai nước gắn bó.  **3. Viết bài:**  a. Viết 1 đoạn văn trong phần chính bức thư.  b. Viết phần cuối thư. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**\* Mục tiêu:**

- Học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập vận dụng, liên hệ thực tiễn

- Định hướng phát triển năng lực tự học, hợp tác, sáng tạo khi sử dụng phép lập luận giải thích

**\* Phương pháp:** Nêu vấn đề, thuyết trình, giao việc

**\* Kỹ thuật:** Động não, hợp tác

**\* Thời gian:** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| Gv giao bài tập | Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi,làm bài tập, trình bày.... | Gv giao bài tập |

**HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG**

**\* Mục tiêu:**

- Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

- Định hướng phát triển năng lực tự học, sáng tạo

**\* Phương pháp:** Dự án

**\* Kỹ thuật:** Giao việc

**\* Thời gian:** 2 phút

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| Gv giao bài tập  **Bản đồ tư duy.** | + Lắng nghe, tìm hiểu, nghiên cứu, trao đổi, làm bài tập,trình bày.... |  |

**Bước 4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.**

**1. Bài cũ:**

- Hoàn thành bức thư.

**2. Bài mới:**

- Chuẩn bị bài tiếp theo: những câu hát than thân, những câu hát châm biếm

+ Đọc kĩ VB

+ Đọc và tìm hiểu phần chú thích

+Trả lời các câu hỏi đọc-hiểu VB